

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TNH24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02209**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Sinh lý dinh dưỡng**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2458102060821	Lương Hoài	Chương	14/06/2009			7	8	8.0	9.0			6.0		6.9
2	2458102060822	Mus To Fa Ro Thià	Dah	09/08/2009			7	8	8.0	8.0			5.0		6.1
3	2458102060823	Hứa Khánh	Duy	18/10/2009			7	8	7.0	9.0			5.0		6.1
4	2458102060824	Trần Văn	Đặng	24/09/2009			7	8	8.0	8.0			5.3		6.3
5	2458102060825	Nguyễn Ngọc	Hà	23/01/2009			7	8	8.0	8.0			5.0		6.1
6	2458102060826	Quách Ngọc Gia	Hân	23/01/2009			9	8	10.0	9.0			8.5		8.8
7	2458102060827	Phạm Diễm	Huỳnh	08/10/2009			7	9	8.0	8.0			7.0		7.4
8	2458102060828	Lê Thị Kim	Hương	16/02/2009			7	8	8.0	9.0			6.8		7.3
9	2458102060829	Trần Anh	Kiệt	20/04/2009			8	7	9.0	8.0			8.5		8.4
10	2458102060830	Nguyễn Thị Thúy	Lan	01/10/2009			7	9	8.0	8.0			8.8		8.5
11	2458102060831	Lương Thị Huỳnh	Lê	14/01/2009			8	9	9.0	9.0			8.3		8.5
12	2458102060832	Lâm Tuệ	Mỹ	14/11/2009			6	8	8.0	6.0			7.0		7.0
13	2458102060833	Đỗ Đại	Nam	17/06/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
14	2458102060834	Nguyễn Phú	Nam	09/06/2009			6	7	8.0	7.0			0.0	0.0	2.9
15	2458102060835	Nguyễn Thị Xuân	Nga	27/11/2009			7	9	7.0	8.0			5.3		6.2
16	2458102060836	Đặng Phương	Nghi	19/12/2008			8	7	9.0	7.0			5.5		6.4
17	2458102060837	Trần Hữu	Nghĩa	14/10/2009			7	8	7.0	8.0			5.0		6.0
18	2458102060838	Lê Huỳnh Hoài	Ngọc	03/11/2008			8	9	8.0	8.0			9.0		8.7
19	2458102060839	Đinh Trung	Nguyễn	25/05/2009			8	7	9.0	8.0			5.0		6.3
20	2458102060840	Huỳnh Thanh	Nhã	20/03/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
21	2458102060841	Hồ Nguyễn Khánh	Nhi	05/04/2009			8	8	8.0	6.0			5.0		5.9
22	2458102060842	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	23/07/2008			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
23	2458102060843	Trần Hữu	Phát	14/03/2009			8	8	8.0	6.0			5.0		5.9
24	2458102060844	Huỳnh Nhật	Phúc	06/09/2009			7	7	8.0	7.0			6.5		6.8
25	2458102060845	Trần Văn	Phúc	26/04/2009			7	8	8.0	7.0			8.0		7.8
26	2458102060846	Nguyễn Thành Nam	Quân	23/02/2009			8	7	8.0	8.0			6.3		6.9
27	2458102060847	Nguyễn Xuân	Quốc	31/08/2009			7	8	7.0	8.0			7.5		7.5
28	2458102060848	Trương Thị Ngọc	Quyên	29/03/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
29	2458102060849	Tạ Chí	Tâm	29/10/2009			6	8	9.0	8.0			5.0		6.2
30	2458102060850	Huỳnh Văn	Thành	03/09/2009			7	8	8.0	8.0			5.0		6.1
31	2458102060851	Phạm Gia	Thịnh	25/03/2009			6	8	7.0	8.0			5.0		5.9
32	2458102060852	Diệp Trần Phúc	Tinh	15/01/2009			7	7	8.0	7.0			7.0		7.1
33	2458102060853	Nguyễn Đình Gia	Trí	16/12/2008			6	8	9.0	8.0			6.3		7.0
34	2458102060854	Hồ Ngọc	Trình	21/04/2009			7	8	7.0	8.0			8.8		8.3
35	2458102060855	Nguyễn Trọng	Tuấn	03/07/2009			7	8	8.0	8.0			7.5		7.6
36	2458102060856	Nguyễn Khắc	Vĩ	24/03/2009			6	6	8.0	6.0			8.0		7.5

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2458102060857	Trương Hoàng	Vũ	31/07/2009			6	7	6.0	7.0			0.0	0.0	2.6
38	2458102060858	Nguyễn Thị Kim	Xoàn	06/11/2008			7	8	8.0	9.0			5.5		6.6

Châu Đốc, ngày 13 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trương Quốc Bình